BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số : 4475 /QĐ-UBND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2011*

TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 3122/A
Ngày: 22.9M

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Điều lệ Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH 11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI thông qua;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con;

Căn cứ Quyết định số 294/QĐ-UBND-TC ngày 04 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về bổ nhiệm Hội đồng thành viên Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-UBND-TC ngày 04 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về bổ nhiệm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

Xét đề nghị của Hội đồng thành viên Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên tại Văn bản số 09/HĐTV-CV ngày 30 tháng 3 năm 2011, Văn bản số 17/TTC-NS ngày 20 tháng 5 năm 2011 và Văn bản số 32/TCT-BC ngày 14 tháng 7 năm 2011; ý kiến của Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp tại Tờ trình số 151/TTr-ĐMDN ngày 01 tháng 4 năm 2011 và Tờ trình số 231/TTr-ĐMDN ngày 02 tháng 6 năm 2011; ý kiến của Chi cục Tài chính doanh nghiệp tại Văn bản số 199/TCDN-TM ngày 25 tháng 4 năm 2011 và Văn bản số 291/TCDN-TM ngày 22 tháng 6 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên gồm 14 Chương và 59 Điều do Tổng Giám đốc Tổng Công ty làm người đại diện theo pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng ban Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp, Giám đốc Sở Tài chính, Chi cục Trưởng Chi cục Tài chính doanh nghiệp, Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động Thương binh và xã hội, Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- BCĐ ĐM&PTDN Trung ương;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND.TP;
- Thường trực Ban Đổi mới QLDN TP;
- Cục Thuế thành phố;
- Viện Nghiên cứu Phát triển;
- Liên đoàn lao động thành phố;
- VPUB: các PVP; Các Phòng CV, CNN (2);
- Lưu: VT, (CNN-KH) L. 53.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Lê Mạnh Hà

Chứng thực bản sao đúng với bản chính.
00002419 2
Số chứng thực.....Quyển..6...SCT/BS
Ngày: 06-06-2016
Công chứng viên

SỞ TƯ PHÁP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1

THÁI THANH HIỆP

ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐIỀU LỆ
TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4475/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty Nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 86/2007/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định về Quản lý lao động và tiền lương trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và căn cứ Thông tư số 27/2010/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 9 năm 2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao và tiền thưởng trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 117/2010TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 138/2010/TT-BTC ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ phân phối lợi nhuận đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Thông tư số 79/2010 TT-BTC ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính khi chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

Căn cứ Quyết định số 3137/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Đề án chuyển đổi Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo hình thức Công ty mẹ - Công ty con;

Các quy định của Điều lệ này là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ.

Trong Điều lệ này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005, có hiệu lực từ 01 tháng 7 năm 2006.

- "Tổng Công ty" là Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

- "Chủ sở hữu" là Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- "Vốn Điều lệ của Tổng Công ty" là vốn do chủ sở hữu góp và được ghi vào Điều lệ Tổng Công ty.

- "Vốn Chủ sở hữu" bao gồm vốn chủ sở hữu góp vào Tổng Công ty, và các khoản lợi ích kinh tế do hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty mang lại.

- "Lợi nhuận" là tổng số tiền lãi thu được hàng năm từ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và hoạt động khác.

- "Doanh nghiệp khác" là Doanh nghiệp hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Đầu tư.

- "Người quản lý Tổng Công ty" là Chủ sở hữu, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên.

- "Người liên quan" là tổ chức, cá nhân được quy định tại khoản 17, Điều 4, Luật Doanh nghiệp.

- "Công ty con" là các đơn vị do Tổng Công ty đầu tư 100% vốn điều lệ hoặc do Tổng Công ty giữ cổ phần chi phối, vốn góp chi phối hoặc quyền chi phối; được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài.

- "Ban quản lý dự án" là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng Công ty, do Tổng Công ty cấp 100% vốn, thực hiện chức năng quản lý dự án của Tổng Công ty theo ủy quyền; chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- "Trường Trung cấp Du lịch và Khách sạn Saigontourist" là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tổng Công ty thực hiện công tác đào tạo; chịu trách nhiệm trước chủ đầu tư theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- "Công ty liên kết" là các công ty có vốn góp dưới mức chi phối của Tổng Công ty, tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty cổ phần, công ty liên doanh với nước ngoài, công ty ở nước ngoài.

- "Đơn vị phụ thuộc" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty.

Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên của Tổng Công ty.

- Tên gọi đầy đủ bằng tiếng Việt:

- TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN.

- Tên tiếng Anh: **SAIGONTOURIST HOLDING COMPANY.**

- Tên viết tắt là: **SAIGONTOURIST.**

Điều 3. Trụ sở của Tổng Công ty

- Địa chỉ	:	23 Lê Lợi, phường Bến Nghé, quận 1 TP. HCM.
- Điện thoại	:	(848) 38225874 - 38225887
- Fax	:	(848) 38243239 - 38291026
- Số tài khoản ngân hàng	:	007.100.000.5232 (VND) 007.137.008.1794 (USD) tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, CN Tp.HCM
- Website	:	www.saigon-tourist.com
- Email	:	saigontourist@sgtourist.com.vn

Điều 4. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân của Tổng Công ty.

1. Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

2. Tổng Công ty có tư cách pháp nhân, có con dấu và được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại các ngân hàng theo quy định của pháp luật.

3. Tổng Công ty có vốn điều lệ và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số vốn Điều lệ của Tổng Công ty.

4. Tổng Công ty hạch toán kinh tế độc lập và tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh, được lập các quỹ theo qui định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

5. Tổng Công ty có quyền sở hữu đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của mình theo quy định của pháp luật.

6. Tổng Công ty không được quyền phát hành cổ phần

Điều 5. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh.

1. Mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty.

- Tổng Công ty tiếp tục phát triển các hoạt động, kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của chủ sở hữu đầu tư tại Tổng Công ty, nâng cao thu nhập và đời sống cho người lao động, hoàn thành các nhiệm vụ do chủ sở hữu giao.

2. Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty:

- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, (kể cả dịch vụ quản lý thuê khách sạn, nhà hàng, cơ sở lữ hành, khu nghỉ dưỡng), tổ chức các cuộc hội thảo, hội nghị quốc tế. Dịch vụ vũ trường, sauna – massage, karaoke, nhà hàng có ca nhạc, business center, đại lý bán vé, giữ chỗ máy bay quốc nội và quốc ngoại, salon de beauty, cắt, uốn tóc, cho thuê xe, giữ xe hồ bơi, du thuyền trên sông Sài Gòn, giặt ủi, wash hàng may công nghiệp, may trang bị và trang phục cho khách sạn, các mặt hàng khăn dệt, nhuộm một số mặt hàng may công nghiệp, gia công chế biến các mặt hàng inox phục vụ cho các nhà hàng, khách sạn.

- Dịch vụ ăn uống cố định, lưu động và theo hợp đồng. Kinh doanh vui chơi giải trí, bãi tắm biển. Kinh doanh, khai thác dịch vụ cảng sông. Dịch vụ cảng và bến cảng, Cung cấp nước ngọt, xăng dầu cho tàu thuyền. Dịch vụ vận tải đường thủy. Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải. Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (tại khách sạn Cửu Long – quận 1 và khách sạn Đồng Khởi – quận 1, khách sạn Rex – quận 1 và khách sạn Đệ Nhất – quận Tân Bình) thuộc hệ thống khách sạn của Tổng Công ty.

- Các dịch vụ cung ứng theo nhu cầu khách hàng: thông tin, giao dịch, thương mại, bán hàng miễn thuế, tiếp thị, văn hóa thể thao, chuyển tiền kiều hối, tư vấn đầu tư. Đại lý ký gởi hàng hóa, thu đổi ngoại tệ. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Dịch vụ quảng cáo trưng bày giới thiệu hàng hóa.

- Lữ hành nội địa, quốc tế, vận chuyển khách du lịch. Vận chuyển khách du lịch bằng đường thủy. Vận tải hàng hóa và hành khách đường thủy. Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng.

- Kinh doanh địa ốc. Dịch vụ nhà đất. Cho thuê kho bãi, nhà, kiốt, quầy sạp, cửa hàng kinh doanh, căn hộ, văn phòng (chỉ thực hiện đối với các dự án công trình đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt) - Kinh doanh taxi. Mua bán phụ tùng xe ôtô các loại, xe hơi với hình thức làm đại lý cho các hãng nước ngoài. Sửa chữa, bảo trì ôtô, tàu du lịch.

- Sản xuất nước đá. Sản xuất chế biến thực phẩm bánh kem, bánh trung thu, bánh mì, bánh ngọt, kẹo, thực phẩm khô các loại. Sản xuất nước tinh khiết.

- Mở trường đào tạo về chuyên ngành du lịch, dạy lái xe, dạy nghề về xuất khẩu lao động và xuất khẩu lao động.

- Thiết kế thi công, sửa chữa trang trí nội, ngoại thất, khách sạn, nhà hàng.

- Mua bán rau quả, hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ, thiết bị vật tư, hàng hóa tiêu dùng, hóa chất (các hóa chất sử dụng cho dịch vụ giặt ủi, tẩy rửa hồ bơi trong khách sạn, các hóa chất dùng trong công nghiệp chế biến cao su).

- Mua bán thức ăn gia súc, tôm cá, nông sản các loại (trừ gạo), gas các loại, điện thoại, máy fax, điện thoại di động, mobicard, các loại hoa, lá, cây cảnh, các loại gạch, ngói xây dựng, các sản phẩm dệt và may mặc, túi xách, cặp, vali bằng các loại vải, da, giả da, giày dép các loại, các sản phẩm bằng gỗ đã chế biến.

- Mua bán các mặt hàng công nghệ phẩm tiêu dùng, rượu, bia các loại (kể cả làm đại lý), chế biến bia tươi, thuốc lá điếu sản xuất trong nước. Mua bán hàng tiểu thủ công mỹ nghệ, vàng bạc, đá quý.

- Đại lý bảo hiểm. Đại lý bán vé tàu hỏa. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí: tổ chức biểu diễn nghệ thuật (không tổ chức biểu diễn tại trụ sở). Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu. Hoạt động của cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu. Dịch vụ hỗ trợ giáo dục: tư vấn giáo dục. Chăn nuôi khác: gây nuôi động vật hoang dã (trừ động vật thuộc danh mục điều ước Quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định và các loại động vật quý hiếm thuộc danh mục cấm khai thác, sử dụng). Thiết kế xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. (Doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng những quy định của pháp luật)

Điều 6. Thời hạn hoạt động.

1. Thời hạn hoạt động của Tổng Công ty là 50 năm kể từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Tổng Công ty có thể chuyển đổi loại hình hoạt động, giải thể trước thời hạn, kéo dài thời hạn hoạt động theo quyết định của chủ sở hữu.

Điều 7. Các tổ chức chính trị, đoàn thể trong Tổng Công ty.

1. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam trong Tổng Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của Đảng cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản và các tổ chức chính trị xã hội khác trong Tổng Công ty hoạt động theo Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8. Vốn điều lệ của Tổng Công ty.

1. Vốn Điều lệ của Tổng Công ty là **3.403.835.000.000 đồng** (Ba nghìn bốn trăm lẻ ba tỷ, tám trăm ba mươi lăm triệu đồng).

2. Vốn Điều lệ của Tổng Công ty bao gồm: vốn do chủ sở hữu góp vào Tổng Công ty và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Điều 9. Điều chỉnh tăng, giảm vốn điều lệ.

1. Trong quá trình kinh doanh, chủ sở hữu Tổng Công ty có quyền quyết định điều chỉnh tăng vốn điều lệ. Khi tăng vốn điều lệ, Tổng Công ty phải điều chỉnh kịp thời trong bảng cân đối kế toán và phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh. Nguồn bổ sung vốn điều lệ bao gồm:

- Chủ sở hữu Tổng Công ty đầu tư thêm (nếu có);

- Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty;

- Các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, Tổng Công ty phải đăng ký chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thành viên mới cam kết góp vốn vào Tổng Công ty. Trình tự, thủ tục tăng vốn điều lệ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Tổng Công ty không được giảm vốn điều lệ.

Điều 10. Tên và địa chỉ chủ sở hữu Tổng Công ty.

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh là chủ sở hữu của Tổng Công ty.

2. Địa chỉ trụ sở và số điện thoại của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh là:

Địa chỉ trụ sở	:	86 Lê Thánh Tôn, quận I, thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại	:	(848) 38291054 - 38291055
Fax	:	(848) 38295675 – 38296988

Chương II
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ trong sản xuất, kinh doanh.

1. Tổng Công ty có quyền:

a) Tự chủ sản xuất kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành nghề kinh doanh phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Tổng Công ty.

b) Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.

c) Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ của Tổng Công ty; trừ những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá.

d) Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ.

đ) Tuyển, thuê và sử dụng lao động, đào tạo lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh; lựa chọn hình thức trả lương, thưởng theo quy định của pháp luật.

e) Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định.

f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Tổng Công ty có nghĩa vụ:

a) Đăng ký kinh doanh và tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; bảo đảm chất lượng sản phẩm, dịch vụ theo tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký.

b) Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, chiến lược phát triển của Tổng Công ty trình cấp thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

c) Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, vật tư, lao động, đơn giá tiền lương áp dụng trong Tổng Công ty nhằm bảo đảm hiệu quả sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật.

d) Thực hiện các quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn lao động, bảo vệ an ninh, quốc phòng, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường.

đ) Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; Thực hiện đầy đủ chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật về Bảo hiểm.

e) Tôn trọng việc thành lập và hoạt động của các Tổ chức chính trị, Tổ chức chính trị - xã hội trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó.

f) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ về vốn, tài sản, quản lý tài chính.

1. Vốn và tài sản của Tổng Công ty:

a) Vốn của Tổng Công ty bao gồm: vốn do chủ sở hữu Tổng Công ty đầu tư tại Tổng Công ty, vốn do Tổng Công ty tự huy động và các nguồn vốn khác theo quy định của pháp luật.

b) Giá trị quyền sử dụng đất được tính vào vốn của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về đất đai.

c) Tài sản của Tổng Công ty bao gồm: tài sản cố định (tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản đầu tư tài chính dài hạn, chi phí xây dựng cơ bản dở dang và các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn), tài sản lưu động (tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản lưu động khác và chi sự nghiệp), được hình thành từ vốn Điều lệ của Tổng Công ty, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác do Tổng Công ty quản lý sử dụng.

2.Tổng Công ty có quyền:

a) Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Tổng Công ty để kinh doanh và thực hiện các lợi ích hợp pháp khác.

b) Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.

c) Định đoạt vốn và tài sản của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý tài chính của Tổng Công ty và Điều lệ này.

d) Sử dụng vốn và tài sản của Tổng Công ty để đầu tư ra ngoài Tổng Công ty dưới các hình thức theo quy định của pháp luật và phân cấp của chủ sở hữu Tổng Công ty và bảo đảm nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn, tăng thu nhập và không làm ảnh hưởng đến mục tiêu hoạt động của Tổng Công ty.

3. Tổng Công ty có nghĩa vụ:

a) Bảo toàn và phát triển vốn do chủ sở hữu Tổng Công ty đầu tư tại Tổng Công ty và vốn do Tổng Công ty huy động; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty trong phạm vi số tài sản của Tổng Công ty.

b) Chịu trách nhiệm dân sự bằng toàn bộ tài sản của Tổng Công ty và trách nhiệm tương ứng với các khoản đầu tư ra ngoài Tổng Công ty.

c) Định kỳ kiểm kê, đánh giá lại tài sản của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

d) Tổ chức thực hiện công tác kế toán, chế độ thống kê theo quy định của pháp luật.

đ) Căn cứ chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước do chủ sở hữu giao, Tổng Công ty thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp trình chủ sở hữu Tổng Công ty phê duyệt.

e) Định kỳ báo cáo tình hình tài chính của Tổng Công ty với chủ sở hữu Tổng Công ty và các cơ quan Nhà nước có liên quan, chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này; tổ chức thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính, công khai tình hình tài chính của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

f) Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

g) Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

h) Thực hiện các nghĩa vụ khác về vốn, tài sản và quản lý tài chính theo quy định của pháp luật.

4. Việc huy động, sử dụng, bảo toàn vốn theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và quy chế tài chính của Tổng Công ty.

Chương III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU TỔNG CÔNG TY

Điều 13. Quyền của chủ sở hữu Tổng Công ty.

1. Quyết định nội dung Điều lệ Tổng Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tổng Công ty;

2. Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng Công ty.

3. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Tổng Công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý Tổng Công ty (Hội đồng thành viên Tổng Công ty; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên).

4. Quyết định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm gần nhất.

5. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

6. Thông qua hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm gần nhất.

7. Quyết định mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm gần nhất.

8. Quyết định tăng vốn Điều lệ của Tổng Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Tổng Công ty cho tổ chức, cá nhân khác.

9. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác.

10. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, hoạt động quản lý của Hội đồng thành viên Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

11. Quyết định sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Tổng Công ty.

12. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Tổng Công ty.

13. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Tổng Công ty sau khi Tổng Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

14. Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 14. Hạn chế quyền của chủ sở hữu Tổng **Công ty.**

1. Chủ sở hữu Tổng Công ty chỉ được quyền rút vốn ra khỏi Tổng Công ty bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn Điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Tổng Công ty dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty.

Trường hợp chuyển nhượng một phần vốn Điều lệ cho Tổ chức hoặc cá nhân khác, Tổng Công ty phải đăng ký chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày chuyển nhượng.

2. Chủ sở hữu Tổng Công ty không được rút lợi nhuận khi Tổng Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Điều 15. Nghĩa vụ của chủ sở hữu Tổng Công ty.

1. Góp vốn đầy đủ và đúng hạn như đã cam kết; trường hợp không góp đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Tổng Công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ của Tổng Công ty.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Tổng Công ty và chủ sở hữu Tổng Công ty.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

Chương IV
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 16. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng Công ty.

Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng Công ty bao gồm: Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và ba (03) Kiểm soát viên.

Điều 17. Tổ chức bộ máy của Tổng Công ty.

Tổ chức bộ máy của Tổng Công ty gồm: Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và ba (03) đến năm (05) Phó Tổng Giám đốc; ba (03) Kiểm soát viên; Kế toán trưởng; các phòng, ban chuyên môn và đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty.

Điều 18. Hội đồng thành viên.

1. Hội đồng thành viên nhân danh chủ sở hữu Tổng Công ty tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Tổng Công ty; có quyền nhân danh Tổng

Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty; chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu Tổng Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Quyền, nghĩa vụ, nhiệm vụ cụ thể và chế độ làm việc của Hội đồng thành viên đối với chủ sở hữu Tổng Công ty được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 19. Thành viên Hội đồng thành viên.

1. Hội đồng thành viên có các thành viên chuyên trách và không chuyên trách. Số lượng thành viên Tổng Công ty có từ năm (05) đến bảy (07) người

2. Thành viên Hội đồng thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn cơ bản sau đây:

a) Thường trú tại Việt Nam. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải là công dân Việt Nam;

b) Tốt nghiệp đại học và có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Hội đồng thành viên phải có kinh nghiệm ít nhất ba năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty;

c) Có sức khoẻ, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không là cán bộ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thành viên;

đ) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại các điểm b, c, đ, e, g khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên do chủ sở hữu Tổng Công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng thành viên không quá 5 năm. Thành viên Hội đồng thành viên có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

4. Thành viên Hội đồng thành viên bị miễn nhiệm và được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế do Điều lệ Tổng Công ty quy định; trong trường hợp này Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên có quyền đề nghị chủ sở hữu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng thành viên;

b) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

c) Xin từ chức;

d) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

đ) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;

e) Khi Tổng Công ty không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do chủ sở hữu giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được chủ sở hữu chấp nhận;

g) Các trường hợp khác theo quyết định của chủ sở hữu Tổng Công ty.

5. Các thành viên Hội đồng thành viên phải cùng chịu trách nhiệm trước người ra quyết định bổ nhiệm và pháp luật về các quyết định của Hội đồng thành viên gây thiệt hại cho Tổng Công ty và chủ sở hữu Tổng Công ty, trừ thành viên biểu quyết không tán thành quyết định này; thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Luật Doanh nghiệp.

6. Chế độ làm việc của Hội đồng thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Doanh nghiệp.

Điều 20. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Thành viên.

Nhiệm vụ, quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng thành viên tại khoản 1 Điều 68 Luật Doanh nghiệp được quy định như sau:

1. Xây dựng và quyết định chiến lược phát triển; kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của Tổng Công ty; quyết định phương án phối hợp kinh doanh của các đơn vị thành viên do Tổng Công ty sở hữu toàn bộ vốn điều lệ hoặc có cổ phần,vốn góp chi phối (nếu có) thông qua việc sử dụng quyền chi phối của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp này.

2. Quyết định việc xây dựng và sử dụng thương hiệu; các giải pháp phát triển thị trường và công nghệ; phân công chuyên môn hóa, hợp tác, tiếp cận, mở rộng và chia sẻ thông tin, thị trường, nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ giữa Tổng Công ty với các đơn vị thành viên (nếu có); các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty.

3. Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của các công ty con do Tổng Công ty nắm 100% vốn điều lệ; các đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty, các chi nhánh, các văn phòng đại diện của Tổng Công ty ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định các phương án huy động vốn có giá trị không vượt quá giá trị vốn điều lệ của Tổng Công ty.

5. Quyết định cơ cấu tổ chức, phương án tổ chức kinh doanh, quy chế quản lý nội bộ Tổng Công ty, biên chế bộ máy quản lý.

6. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, mức lương và lợi ích khác đối với các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Tổng Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Trường hợp các chức danh do chủ sở hữu bổ nhiệm phải có ý kiến của chủ sở hữu.

7. Cử người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty ở doanh nghiệp khác theo đề nghị của Tổng Giám đốc.

8. Quyết định những vấn đề quan trọng sau đối với các công ty con:

a) Đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty làm chủ sở hữu: quyết định việc áp dụng cơ cấu tổ chức quản lý Hội đồng thành viên

hay Chủ tịch công ty; số lượng, cơ cấu thành viên Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và mức thù lao hoặc lương đối với thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên; phê duyệt Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh, việc điều chỉnh vốn điều lệ, các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền quyết định của chủ sở hữu công ty; phê duyệt báo cáo quyết toán, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm của công ty;

b) Đối với công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có cổ phần hoặc phần vốn góp chi phối của Tổng Công ty: chỉ đạo người đại diện vốn của Tổng Công ty sử dụng quyền chi phối hoặc phủ quyết trong việc quyết định phê duyệt Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng Quản trị hoặc Hội đồng thành viên; huy động thêm cổ phần, vốn góp; phê duyệt báo cáo quyết toán, phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế hàng năm của doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối của Tổng Công ty;

c) Đối với đơn vị phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp: phê duyệt quy chế hoạt động của đơn vị phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp.

9. Kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc Tổng Công ty; Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty làm chủ sở hữu và người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ.

10. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty; báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Tổng Công ty.

11. Quyết định của Hội đồng thành viên về các vấn đề sau đây phải được chủ sở hữu chấp thuận:

a) Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của Tổng Công ty; danh mục đầu tư, các ngành nghề kinh doanh chính và các ngành nghề không có liên quan đến ngành nghề kinh doanh chính; việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty; những ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn, dự án có nguy cơ rủi ro cao;

b) Phê duyệt các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác trên mức quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Phê duyệt các phương án huy động vốn trên mức quy định tại khoản 4 Điều này;

d) Các quyết định quy định tại khoản 3 Điều này; góp vốn đầu tư vào công ty khác; thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của Tổng Công ty;

đ) Quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ Tổng Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Tổng Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

e) Phê duyệt báo cáo quyết toán; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Tổng Công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh;

f) Quyết định việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;

g) Quyết định bổ nhiệm, thuê, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc;

h) Quyết định dự án đầu tư ra ngoài Tổng Công ty:

- Hội đồng thành viên quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Tổng Công ty trong phạm vi tổng giá trị đầu tư tài chính của Tổng Công ty thấp hơn 50% vốn điều lệ hoặc theo phân cấp tại Điều lệ Tổng Công ty; Đối với dự án đầu tư có giá trị từ 50% vốn điều lệ trở lên, Tổng Công ty báo cáo chủ sở hữu quyết định.

- Chủ sở hữu Tổng Công ty quyết định việc góp vốn liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài; đầu tư hoặc góp vốn đầu tư thành lập công ty ở nước ngoài; quyết định việc mua công ty thuộc thành phần kinh tế khác; đầu tư ra bên ngoài của Tổng Công ty được thiết kế thực hiện chủ yếu, thường xuyên, ổn định các sản phẩm, dịch vụ công ích; quyết định các dự án đầu tư tài chính khác còn lại không thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng thành viên.

12. Tổ chức thực hiện các quyết định được chủ sở hữu Tổng Công ty chấp thuận.

13. Báo cáo chủ sở hữu Tổng Công ty kết quả và tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

14. Chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu Tổng Công ty và pháp luật về thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của mình và về sự phát triển của Tổng Công ty theo mục tiêu, nhiệm vụ chủ sở hữu giao hoặc hợp đồng quản lý Tổng Công ty.

Trường hợp để Tổng Công ty thua lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu hoặc không thực hiện được các mục tiêu, nhiệm vụ chủ sở hữu giao hoặc chỉ tiêu tại hợp đồng quản lý Tổng Công ty mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được chủ sở hữu chấp nhận thì tùy theo mức độ, sẽ bị cách chức hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Chủ tịch Hội đồng thành viên.

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên do chủ sở hữu Tổng Công ty chỉ định trong số các thành viên Hội đồng thành viên.

2. Chủ tịch Hội đồng thành viên thực hiện các quyền, nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều 49 Luật Doanh nghiệp; và các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ Tổng Công ty; có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về việc chậm trễ hoặc không ký các quyết định của Hội đồng thành viên.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt quá 30 ngày ở Việt Nam thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty.

Điều 22. Triệu tập Hội đồng thành viên.

1. Hội đồng thành viên Tổng Công ty họp ít nhất 01 lần/tháng để xem xét và

2. Hội đồng thành viên Tổng Công ty được triệu tập họp bất cứ khi nào theo yêu cầu của chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty để giải quyết những vấn đề cấp bách của Tổng Công ty hoặc có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty đề nghị.

3. Cuộc họp của Hội đồng thành viên Tổng Công ty phải được tổ chức tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và triệu tập họp Hội đồng thành viên Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty có quyền kiến nghị bằng văn bản về chương trình họp. Kiến nghị phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân.
- Nội dung kiến nghị đưa vào họp.
- Lý do kiến nghị.

Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên Tổng Công ty nếu kiến nghị có đầy đủ nội dung theo quy định được gởi đến trụ sở chính của Tổng Công ty chậm nhất một ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên Tổng Công ty. Trường hợp kiến nghị được đệ trình ngay trước khi họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp đồng ý.

5. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên Tổng Công ty có thể bằng giấy mời, điện thoại hoặc các phương tiện điện tử khác và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.

Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty ít nhất hai ngày trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung điều lệ Tổng Công ty, thông qua phương hướng phát triển Tổng Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Tổng Công ty phải được gửi đến các thành viên Hội đồng thành viên chậm nhất hai ngày làm việc trước ngày họp.

Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên Tổng Công ty theo yêu cầu của số thành viên theo quy định theo khoản 2 điều này; trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên Tổng Công ty. Trong trường hợp này, nếu xét thấy cần thiết, yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc tổ chức và tiến hành họp Hội đồng thành viên Tổng Công ty.

Điều 23. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên.

1. Cuộc họp của Hội đồng thành viên Tổng Công ty hợp lệ và chỉ được tiến hành khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên dự họp. Mỗi thành viên có một phiếu biểu quyết có giá trị như nhau. Hội đồng thành viên Tổng Công ty có thể thông qua quyết định theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Quyết định của Hội đồng thành viên Tổng Công ty được thông qua và có hiệu lực khi có hơn một nữa (1/2) số thành viên dự họp chấp thuận. Trừ các trường hợp sau phải được ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên dự họp chấp thuận: việc đề nghị sửa đổi, bổ sung điều lệ Tổng Công ty; tổ chức lại Tổng Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng thành viên Tổng Công ty có quyền bảo lưu ý kiến của mình nhưng phải thực hiện theo quyết định của Hội đồng thành viên. Quyết định của Hội đồng thành viên Tổng Công ty có giá trị pháp lý kể từ ngày được thông qua trừ trường hợp chủ sở hữu Tổng Công ty có ý kiến khác.

3. Nội dung các cuộc họp của Hội đồng thành viên Tổng Công ty (các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết quả biểu quyết, các quyết định của Hội đồng thành viên thông qua và kết luận của các cuộc họp Hội đồng thành viên Tổng Công ty ...) phải được ghi vào biên bản họp của Hội đồng thành viên Tổng Công ty. Biên bản họp của Hội đồng thành viên Tổng Công ty phải làm xong và thông qua khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau:

- Thời gian và địa điểm họp, mục đích, chương trình họp.

- Vấn đề được thảo luận và biểu quyết. Tóm tắt ý kiến phát biểu của từng thành viên và từng vấn đề thảo luận.

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với vấn đề biểu quyết.

- Các quyết định được thông qua.

- Họ, tên, chữ ký của các thành viên dự họp.

Điều 24. Tổng Giám đốc.

1. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, điều hành hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên phù hợp với Điều lệ Tổng Công ty; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 70 Luật Doanh nghiệp và Điều 26 của Điều lệ này.

3. Tổng Giám đốc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Luật Doanh nghiệp, các nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và hợp đồng ký với Hội đồng thành viên (nếu có).

4. Trường hợp Tổng Giám đốc vắng mặt quá 30 ngày ở Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên trong số các Phó Tổng Giám đốc làm người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

Điều 25. Tuyển chọn, bổ nhiệm, ký hợp đồng với Tổng Giám đốc.

1. Tổng Giám đốc do Hội đồng thành viên Tổng Công ty tuyển chọn, bổ nhiệm, ký hợp đồng. Trong trường hợp chủ sở hữu bổ nhiệm, thì sẽ do chủ sở hữu ra quyết định.

2. Tổng Giám đốc được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng với nhiệm kỳ không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng lại.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện tuyển chọn Tổng Giám đốc:

a) Thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự.

b) Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý Tổng Công ty; có trình độ đại học; có chuyên môn thuộc lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty; có ít nhất 3 năm kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty.

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết; hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật.

4. Những đối tượng sau đây không được tuyển chọn để bổ nhiệm, ký hợp đồng làm Tổng Giám đốc:

a) Người đã từng làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc Công ty Nhà nước nhưng vi phạm kỷ luật đến mức bị cách chức, miễn nhiệm hoặc để Công ty lâm vào tình trạng quy định tại điểm e khoản 4 Điều 19 của Điều lệ này.

b) Thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

5. Thay thế, miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc.

Hội đồng thành viên Tổng Công ty quyết định việc miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn với Tổng Giám đốc. Trong trường hợp chủ sở hữu bổ nhiệm, sẽ do chủ sở hữu ban hành quyết định.

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Để Tổng Công ty lâm vào tình trạng quy định tại điểm e khoản 4 Điều 19 Điều lệ này.

b) Tổng Công ty lâm vào tình trạng phá sản nhưng không đề nghị nộp đơn yêu cầu phá sản theo quy định của pháp luật.

c) Không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do chủ sở hữu Tổng Công ty giao.

d) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác; báo cáo không trung thực tình hình tài chính của Tổng Công ty hai lần trở lên hoặc một lần nhưng sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của Tổng Công ty.

đ) Không đề xuất để Hội đồng thành viên Tổng Công ty ban hành hoặc không tổ chức thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, năng suất lao động, định mức chi phí tài chính và chi phí khác đã được Hội đồng thành viên ban hành; không phổ biến đến tận đối tượng thực hiện định mức, không tổ chức thực hiện các định mức; không tổ chức phân tích, đánh giá sửa đổi, bổ sung các định mức cho phù hợp với thực tế và yêu cầu công tác quản lý.

e) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố.

f) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự.

g) Xin từ chức.

h) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác.

Điều 26. Quyền hạn, nhiệm vụ và trách nhiệm của Tổng Giám đốc.

1. Quyền hạn của Tổng Giám đốc.

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty;

b) Quyết định các dự án đầu tư; các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các hợp đồng kinh tế khác có giá trị đến 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm gần nhất sau khi được sự chấp thuận của Hội đồng thành viên.

c) Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm và dịch vụ; đại diện Tổng Công ty ký kết các hợp đồng nhân danh Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty.

d) Tuyển dụng lao động.

đ) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với các chức danh:

- Giám đốc các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, sau khi có sự phê duyệt của Hội đồng thành viên Tổng Công ty.

- Giám đốc các phòng, ban Tổng Công ty và Giám đốc đơn vị phụ thuộc sau khi có sự phê duyệt của Hội đồng thành viên Tổng Công ty.

- Phó Giám đốc và Kế toán trưởng các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo đề nghị của đơn vị và theo quy chế quản lý cán bộ của Tổng Công ty.

- Phó Giám đốc, Kế toán trưởng các đơn vị phụ thuộc theo đề nghị của Giám đốc đơn vị phụ thuộc và theo quy chế quản lý cán bộ của Tổng Công ty.

- Phó Giám đốc các phòng, ban nghiệp vụ và tương đương của Tổng Công ty và theo quy chế quản lý cán bộ của Tổng Công ty.

2. Nhiệm vụ của Tổng Giám đốc.

a) Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng thành viên.

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng Công ty;

c) Ban hành quy chế quản lý nội bộ Tổng Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Tổng Công ty.

đ) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Hội đồng thành viên.

e) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

f) Tổ chức thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước về an toàn, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động và các chế độ chính sách khác cho người lao động của Tổng Công ty.

g) Kiểm tra các đơn vị phụ thuộc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ Tổng Công ty.

h) Đề nghị Hội đồng thành viên Tổng Công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức lương của các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty.

i) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Hội đồng thành viên Tổng Công ty, của chủ sở hữu đối với việc thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

j) Cung cấp đầy đủ tài liệu theo yêu cầu của Hội đồng thành viên Tổng Công ty và Kiểm soát viên.

k) Báo cáo Hội đồng thành viên Tổng Công ty về kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo định kỳ và đột xuất.

3. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây đối với các đơn vị thành viên:

a) Xây dựng phương án phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên trình Hội đồng thành viên; tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh chung, kế hoạch đầu tư giữa các đơn vị thành viên;

b) Kiểm tra các đơn vị thành viên thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ nhóm Tổng Công ty;

c) Đề nghị Hội đồng thành viên quyết định cử người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty ở doanh nghiệp khác.

4. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc.

a) Khi Tổng Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì:

- Chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ tại khoản này.

- Kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Tổng Công ty với Hội đồng thành viên Tổng Công ty.

b) Trường hợp vi phạm Điều lệ Tổng Công ty, quyết định vượt thẩm quyền, lạm dụng quyền hạn gây thiệt hại cho Tổng Công ty và Nhà nước thì phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại do mình gây ra theo quy định của pháp luật.

c) Trường hợp điều hành Tổng Công ty không đạt chỉ tiêu về kết quả kinh doanh theo thoả thuận hợp đồng với Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu Tổng Công ty, hoặc để Tổng Công ty thua lỗ, mất vốn, không bảo đảm lương tối thiểu cho người lao động, để xảy ra các sai phạm về quản lý vốn, quản lý tài sản, sai phạm về chế độ kế toán, kiểm toán và các chế độ khác do chủ sở hữu Tổng Công ty quy định thì sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

d) Trường hợp triển khai thực hiện các dự án đầu tư không đúng kế hoạch, tiến độ, chất lượng dẫn đến Tổng Công ty thua lỗ, tùy theo mức độ sẽ bị cách chức hoặc bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 27. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Bộ máy giúp việc và các đơn vị phụ thuộc.

Tổng Công ty có từ 03 đến 05 Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng.

1. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty do Hội đồng thành viên Tổng Công ty tuyển chọn, bổ nhiệm hoặc ký hợp đồng có thời hạn theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Thời hạn tối đa là 5 năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng. Trong trường hợp do chủ sở hữu bổ nhiệm, thì sẽ do chủ sở hữu ra quyết định.

2. Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty theo phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký hợp đồng kinh tế hoặc liên quan đến việc sử dụng con dấu của Tổng Công ty đều phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Tổng Công ty; giúp Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng Công ty giám sát tài chính tại Tổng Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng Công ty và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Tiêu chuẩn tuyển chọn Kế toán trưởng được xác định theo quy định của pháp luật.

4. Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có chức năng tham mưu, giúp việc Hội đồng thành viên Tổng Công ty và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty trong quản lý, điều hành công việc.

5. Tổng Công ty có một số đơn vị phụ thuộc theo yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

6. Nhiệm vụ cụ thể của các Phòng chuyên môn, nghiệp vụ được quy định tại quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty.

7. Trong quá trình hoạt động, Tổng Giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng thành viên Tổng Công ty thay đổi cơ cấu, biên chế, số lượng và chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ, các đơn vị phụ thuộc cho phù hợp với yêu cầu hoạt động của Tổng Công ty và quy định pháp luật. Hội đồng thành viên Tổng Công ty xem xét, quyết định việc thay thế do Tổng Giám đốc đề nghị.

Điều 28. Kiểm soát viên.

1. Chủ sở hữu Tổng Công ty bổ nhiệm ba (03) kiểm soát viên với nhiệm kỳ không quá ba năm; số lượng kiểm soát viên tùy thuộc vào quy mô vốn, phạm vi địa bàn và số lượng ngành nghề kinh doanh. Trường hợp bổ nhiệm từ hai kiểm soát viên trở lên thì chủ sở hữu cử một người phụ trách chung để lập kế hoạch công tác, phân công, điều phối công việc của các kiểm soát viên. Kiểm soát viên không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoặc là người có liên quan đến người quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định tại các điểm a, c và đ khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.

2. Kiểm soát viên có nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 71 Luật Doanh nghiệp. Kiểm soát viên có quyền sử dụng con dấu của Tổng Công ty để thực hiện nhiệm vụ do pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty quy định đối với Kiểm soát viên.

Điều 29. Quan hệ giữa Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành Tổng Công ty.

1. Khi tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng thành viên, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Tổng Công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo với Hội đồng thành viên để xem xét, điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định. Hội đồng thành viên phải xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc. Trường hợp Hội đồng thành viên không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng được quyền kiến nghị lên chủ sở hữu Tổng Công ty.

2. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc tháng, quý, năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động và dự kiến phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Tổng Công ty cho Hội đồng thành viên.

3. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền tham dự hoặc cử đại diện Hội đồng thành viên tham dự các cuộc họp giao ban, cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Hội đồng thành viên do Tổng Giám đốc chủ trì. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người đại diện Hội đồng thành viên có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

4. Trường hợp Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng thành viên khi được mời tham dự cuộc họp của Hội đồng thành viên thì được quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 30. Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên.

1. Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên có các nghĩa vụ sau đây:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, quyết định của chủ sở hữu Tổng Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng Công ty và chủ sở hữu Tổng Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Tổng Công ty và chủ sở hữu Tổng Công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Tổng Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Tổng Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Tổng Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Tổng Công ty;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

2. Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Tổng Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

Điều 31. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, kiểm soát viên.

1. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác.

a) Chủ sở hữu Tổng công ty quyết định mức thù lao, lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của người quản lý Tổng công ty và Kiểm soát viên được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty.

b) Các thành viên chuyên trách của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên chuyên trách, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hưởng chế độ lương theo năm. Các thành viên không chuyên trách của Hội đồng thành viên hưởng thù lao theo công việc, thời gian làm việc. Các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hưởng chế độ thưởng theo nhiệm kỳ. Mức tiền lương và tiền thưởng tương ứng với kết quả, hiệu quả kinh doanh của Tổng Công ty và kết quả hoạt động quản lý, điều hành hoặc kiểm soát.

2. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng như sau:

a) Hàng tháng, các thành viên chuyên trách của Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên chuyên trách, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được tạm ứng 70% của số tiền lương tạm tính cho tháng đó; số 30% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả vào cuối năm. Hàng năm, các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng được tạm ứng 70% tổng số tiền thưởng của năm; số 30% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ.

b) Số 30% tiền lương và tiền thưởng còn lại được chi trả cho các đối tượng tương ứng nêu trên căn cứ vào quy chế quản lý tài chính Tổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy chế giám sát, đánh giá đối với các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Tổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Bộ Tài chính ban hành.

Trường hợp kết quả xếp loại doanh nghiệp và kết quả đánh giá về quản lý, điều hành hoặc kiểm soát của Hội đồng thành viên và từng thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại quy chế quản lý tài chính và quy chế giám sát, đánh giá, thì những thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng không đáp ứng yêu cầu sẽ không được quyết toán 30% số tiền lương năm và không được hưởng 30% số tiền thưởng còn lại của nhiệm kỳ.

Điều 32. Hợp đồng, giao dịch của Tổng Công ty với những người có liên quan.

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên Tổng Công ty xem xét quyết định theo nguyên tắc đa số, mỗi người có một phiếu biểu quyết:

a) Chủ sở hữu Tổng Công ty và người có liên quan của chủ sở hữu Tổng Công ty.

b) Người đại diện theo ủy quyền, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên Tổng Công ty.

c) Người có liên quan của những người quy định tại điểm b khoản này.

d) Người quản lý chủ sở hữu Tổng Công ty, người có thẩm quyền bổ nhiệm những người quản lý đó.

đ) Người có liên quan của những người quy định tại điểm d khoản này.

Tổng Giám đốc của Tổng Công ty phải gửi cho Hội đồng thành viên và Kiểm soát viên; đồng thời niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh và văn phòng đại diện của Tổng Công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung giao dịch đó.

2. Hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được chấp thuận khi có đủ các điều kiện sau:

a) Các bên ký kết hợp đồng hoặc thực hiện giao dịch là những chủ thể pháp lý độc lập, có quyền, nghĩa vụ, tài sản và lợi ích riêng biệt.

b) Giá sử dụng trong hợp đồng hoặc giao dịch là giá thị trường tại thời điểm hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được thực hiện.

c) Chủ sở hữu Tổng Công ty tuân thủ đúng nghĩa vụ quy định tại khoản 4Đđiều 65 Luật Doanh nghiệp.

3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật nếu được giao kết không đúng quy định tại khoản 1 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty và các bên của hợp đồng phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Chương V
QUẢN LÝ, GIÁM SÁT CỦA CHỦ SỞ HỮU ĐỐI VỚI TỔNG CÔNG TY

Điều 33. Nội dung quản lý, giám sát của chủ sở hữu đối với Tổng Công ty.

Chủ sở hữu Nhà nước quản lý, giám sát những nội dung sau đây đối với Tổng Công ty:

1. Về thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng hoạt động:

a) Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh, chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính của Tổng Công ty;

b) Danh mục đầu tư, việc đầu tư vào các ngành nghề kinh doanh chính, ngành nghề không liên quan tới ngành nghề kinh doanh chính; những ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn, dự án có nguy cơ rủi ro cao;

c) Nhiệm vụ cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích;

d) Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao.

2. Về vốn và tài chính:

a) Việc bảo toàn và phát triển vốn của Tổng Công ty

b) Tình hình đầu tư, nợ và khả năng thanh toán nợ của Tổng Công ty;

c) Kết quả hoạt động tài chính, hiệu quả kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước;

d) Tổng quỹ tiền lương thực hiện của Tổng Công ty; tốc độ tăng tiền lương bình quân so với tốc độ tăng năng suất lao động của Tổng Công ty;

đ) Tăng hoặc chuyển nhượng một phần vốn điều lệ Tổng Công ty.

3. Về tổ chức và cán bộ:

a) Việc tổ chức lại, giải thể, phá sản Tổng Công ty; chuyển đổi hình thức pháp lý của Tổng Công ty; sửa đổi điều lệ Tổng Công ty; thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của Tổng Công ty;

b) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, mục tiêu, nhiệm vụ hoặc hợp đồng quản lý Tổng Công ty, chế độ lương, thưởng, thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chế độ lương, thưởng, thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

4. Việc chấp hành các quyết định của chủ sở hữu và Điều lệ Tổng Công ty.

5. Những nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 34. Chế độ thông tin, báo cáo của Hội đồng thành viên và trách nhiệm của chủ sở hữu trong giải quyết kiến nghị của Hội đồng thành viên.

1. Chế độ thông tin, báo cáo của Hội đồng thành viên với chủ sở hữu:

a) Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày kết thúc quý, năm, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh quy định tại khoản 14 Điều 20 Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ và dự kiến phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Tổng Công ty;

b) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải gửi báo cáo bằng văn bản về: quyết định của Hội đồng thành viên về cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Tổng Công ty; về thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động và cán bộ quản lý, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng Giám đốc; các vấn đề phải được chủ sở hữu Tổng Công ty chấp thuận quy định tại Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ.

2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Hội đồng thành viên và các kiến nghị phê duyệt của Hội đồng thành viên quy định tại khoản 11 Điều 20 của Điều lệ này, chủ sở hữu phải quyết định bằng văn bản phê duyệt hoặc trả lời Tổng Công ty.

Chương VI
NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG LỢI NHUẬN CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 35. Lợi nhuận và sử dụng lợi nhuận của Tổng Công ty.

1. Lợi nhuận thực hiện trong năm của Tổng Công ty là tổng của lợi nhuận hoạt động kinh doanh và lợi nhuận hoạt động khác. Lợi nhuận hoạt động kinh doanh bao gồm: Chênh lệch giữa doanh thu từ việc bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ với tổng giá thành toàn bộ sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ hoặc chi phí dịch vụ tiêu thụ trong kỳ; chênh lệch giữa doanh thu từ hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ. Lợi nhuận hoạt động khác là chênh lệch giữa thu nhập từ hoạt động khác với chi phí hoạt động khác phát sinh trong kỳ.

2. Lợi nhuận thực hiện của Tổng Công ty sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

- Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có);

- Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế;

- Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ thì không trích nữa;

- Trích lập các quỹ đặc biệt từ lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ đã được Nhà nước quy định đối với công ty đặc thù mà pháp luật quy định phải trích lập;

- Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi các nội dung quy định nêu trên được phân phối theo tỷ lệ giữa vốn thuộc chủ sở hữu đầu tư tại Tổng Công ty và vốn Tổng Công ty tự huy động bình quân trong năm.

a) Lợi nhuận được chia theo vốn thuộc chủ sở hữu đầu tư tại Tổng Công ty được sử dụng như sau:

+ Đối với Tổng Công ty chưa được đầu tư đủ vốn điều lệ thì phần lợi nhuận được chia theo vốn thuộc chủ sở hữu đầu tư tại Tổng Công ty được dùng để đầu tư bổ sung cho đủ mức vốn điều lệ Tổng Công ty đã được phê duyệt;

+ Đối với Tổng Công ty có vốn thuộc chủ sở hữu đầu tư tại Tổng Công ty lớn hơn hoặc bằng mức vốn điều lệ đã được phê duyệt theo quy định thì chủ sở hữu chủ trì phối hợp với Bộ Tài chính có phương án báo cáo Thủ tướng Chính phủ chuyển phần lợi nhuận được chia theo vốn thuộc chủ sở hữu đầu tư tại Tổng Công ty về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp Trung ương.

b) Lợi nhuận được chia theo vốn tự huy động được phân phối như sau:

b.1) Trích tối thiểu 30% vào quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty.

b.2) Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành Tổng Công ty, cụ thể:

Căn cứ vào xếp loại kết quả hoạt động của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc theo quy định hiện hành, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Tổng Công ty được trích lập như sau:

- Đối với trường hợp hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được trích tối đa 5% lợi nhuận được chia theo vốn tự huy động để lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Tổng Công ty; mức trích một năm không vượt quá 500 triệu đồng cho Hội đồng thành viên.

- Đối với trường hợp hoàn thành nhiệm vụ thì được trích tối đa 2,5% lợi nhuận được chia theo vốn tự huy động để lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Tổng Công ty; mức trích một năm không vượt quá 250 triệu đồng cho Hội đồng thành viên.

- Đối với trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ thì không được trích lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Tổng Công ty kể cả trường hợp Tổng Công ty có lãi.

Riêng đối với Tổng Công ty đặc thù có vốn thuộc chủ sở hữu đầu tư tại Tổng Công ty nhiều hơn vốn doanh nghiệp tự huy động hoặc không có vốn tự huy động nên lợi nhuận được chia theo vốn tự huy động không đủ hoặc không có để trích lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Tổng Công ty, trường hợp Ban quản lý điều hành Tổng Công ty hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được trích lập quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Tổng Công ty theo quy định. Trình tự và mức trích theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

b.3) Số lợi nhuận còn lại được phân phối vào quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo kết quả phân loại doanh nghiệp, trong đó:

- Tổng Công ty xếp loại A được trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;

- Tổng Công ty xếp loại B được trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;

- Tổng Công ty xếp loại C được trích tối đa không quá 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;

- Tổng Công ty không thực hiện xếp loại theo quy định thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi.

Mức trích vào mỗi quỹ do Hội đồng thành viên quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn Tổng Công ty.

b.4) Số lợi nhuận còn lại sau khi trích đủ quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi theo quy định tại khoản b.3 nêu trên tiếp tục được bổ sung quỹ đầu tư phát triển của Tổng Công ty

3. Quỹ đầu tư phát triển được dùng để:

a) Bổ sung vốn điều lệ cho Tổng Công ty;

b) Đầu tư hình thành tài sản của Tổng Công ty.

4. Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

a) Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;

b) Bù đắp khoản lỗ của Tổng Công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu.

5. Quỹ khen thưởng được dùng để:

a) Thưởng cuối năm hoặc thường kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên, người lao động trong Tổng Công ty. Mức thưởng do Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định sau khi thỏa thuận của Công đoàn Tổng Công ty.

b) Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Tổng Công ty; mức thưởng do Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định.

c) Thưởng cho những cá nhân và đơn vị ngoài Tổng Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý của Tổng Công ty. Mức thưởng do Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định.

6. Quỹ phúc lợi được dùng để:

a) Đầu tư xây dựng hoặc sửa chữa các công trình phúc lợi của Tổng Công ty;

b) Chi cho các hoạt động phúc lợi công cộng của tập thể công nhân viên Tổng Công ty, phúc lợi xã hội;

c) Góp một phần vốn để đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi chung trong ngành hoặc với các đơn vị khác theo hợp đồng.

d) Sử dụng một phần quỹ phúc lợi để trợ cấp khó khăn đột xuất cho những người lao động kể cả những trường hợp về hưu, về mất sức, lâm vào hoàn cảnh khó khăn, không nơi nương tựa hoặc làm công tác từ thiện xã hội.

Việc sử dụng quỹ phúc lợi do Hội đồng thành viên quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Công đoàn Tổng Công ty.

7. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Quyết định số 36/2007/QĐ-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2007 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp.

8. Quỹ thưởng Ban điều hành Tổng Công ty được sử dụng để thưởng cho Hội đồng thành viên Tổng Công ty, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Mức thưởng do chủ sở hữu quyết định gắn với hiệu quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty, trên cơ sở đề nghị của chủ tịch Hội đồng thành viên.

9. Việc sử dụng các quỹ nói trên phải thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

10. Tổng Công ty chỉ được chi các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Tổng Công ty sau khi thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

11. Việc phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương VII
CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Điều 36. Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành của Tổng Công ty.

Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành của Tổng Công ty theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 37. Kế hoạch tài chính, kế toán, kiểm toán.

1. Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh đến ngày 31 tháng 12 của năm đó.

2. Kế hoạch Tài chính:

- Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã được chủ sở hữu phê duyệt, Tổng Công ty xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn phù hợp với kế hoạch định hướng của Tổng Công ty đã được chủ sở hữu quyết định

- Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của Tổng Công ty và nhu cầu thị trường, Tổng Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo trình Hội đồng thành viên quyết định.

- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Hội đồng thành viên quyết định, Tổng Công ty thực hiện việc đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm kế tiếp (theo mẫu hướng dẫn của Bộ Tài chính) gửi Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

- Sau khi nhận được kế hoạch tài chính của Tổng Công ty, chủ sở hữu phối hợp với Sở Tài chính rà soát lại kế hoạch tài chính do Tổng Công ty lập. Từ đó có ý kiến để Tổng Công ty hoàn chỉnh kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho chủ sở hữu và Sở Tài chính giám sát đánh giá quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

3. Cuối kỳ kế toán (quý, năm), Tổng Công ty phải lập, trình bày và gởi các báo cáo tài chính và các báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật. Hội đồng thành viên Tổng Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của các báo cáo này.

Tổng Công ty phải thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tổng Công ty có trách nhiệm lập và gửi các báo cáo khác theo quy định của pháp luật.

4. Tổng Công ty phải thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan tài chính có thẩm quyền đối với công tác tài chính của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

5. Tổng Công ty thực hiện công khai tài chính theo quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

6. Các nội dung khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương VIII
QUẢN LÝ VỐN CỦA TỔNG CÔNG TY Ở DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 38. Các hình thức đầu tư vào doanh nghiệp khác.

1. Trong quá trình hoạt động, tùy theo nhu cầu hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty có thể đầu tư vốn vào các doanh nghiệp khác.

2. Các hình thức đầu tư vào các doanh nghiệp khác:

a) Góp vốn liên doanh.

b) Góp vốn thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn.

c) Góp vốn thành lập công ty cổ phần, mua cổ phần của doanh nghiệp khác.

d) Các hình thức đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

Điều 39. Vốn của Tổng Công ty đầu tư ở các doanh nghiệp khác.

1. Vốn của Tổng Công ty đầu tư ở các doanh nghiệp khác bao gồm:

a) Vốn bằng tiền, giá trị tài sản thuộc sở hữu Tổng Công ty được Tổng Công ty góp vào doanh nghiệp khác.

b) Vốn do Tổng Công ty vay để đầu tư.

c) Lợi tức từ vốn góp của Tổng Công ty ở doanh nghiệp khác.

d) Các loại vốn khác.

2. Thẩm quyền quyết định góp vốn của Tổng Công ty vào doanh nghiệp khác do Hội đồng thành viên Tổng Công ty quyết định hoặc trình chủ sở hữu Tổng Công ty quyết định theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này.

Điều 40. Người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác.

1. Hội đồng thành viên hoặc chủ sở hữu quyết định cử, miễn nhiệm, thay thế người đại diện quản lý phần vốn của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này.

2. Người đại diện phần vốn góp của Tổng Công ty tại doanh nghiệp khác có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh ở doanh nghiệp có vốn góp của Tổng Công ty.

b) Sử dụng quyền chi phối của Tổng Công ty để định hướng doanh nghiệp theo mục tiêu của Tổng Công ty.

c) Tham gia ứng cử hoặc đề cử vào bộ máy quản lý, điều hành của doanh nghiệp nhận vốn góp theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp đó.

d) Theo dõi giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vốn của Tổng Công ty.

đ) Chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên và chủ sở hữu về hiệu quả sử dụng vốn góp của Tổng Công ty ở các doanh nghiệp khác.

3. Các nội dung khác theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương IX

NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ TRONG TỔNG CÔNG TY

Điều 41. Hình thức tham gia quản lý Tổng Công ty của người lao động.

1. Người lao động tham gia quản lý Tổng Công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:

a) Hội nghị người lao động trong Tổng Công ty.

b) Tổ chức Công đoàn Tổng Công ty.

c) Ban thanh tra nhân dân Tổng Công ty.

d) Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi cấp có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau:

a) Phương hướng, nhiệm vụ, biện pháp phát triển sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

b) Các Nội quy, Quy chế của Tổng Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động.

c) Các biện pháp bảo hộ lao động; cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường; đào tạo và đào tạo lại người lao động của Tổng Công ty.

d) Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh trong Hội đồng thành viên Tổng Công ty, Ban Tổng Giám đốc khi có yêu cầu.

3. Thông qua Hội nghị người lao động trong Tổng Công ty, người lao động có quyền thảo luận và biểu quyết các vấn đề sau:

a) Nội dung hoặc bổ sung, sửa đổi nội dung Thỏa ước lao động tập thể để người đại diện tập thể lao động thương lượng và ký kết với người sử dụng lao động.

b) Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của Tổng Công ty có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật.

c) Bầu ban thanh tra nhân dân Tổng Công ty.

d) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Chương X
QUAN HỆ CỦA TỔNG CÔNG TY VỚI CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

Điều 42. Đơn vị phụ thuộc, công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty.

Tổng Công ty có các đơn vị phụ thuộc, các công ty con, công ty liên kết. Danh sách các đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên kết tại thời điểm phê duyệt Điều lệ ghi tại phụ lục 1 của Điều lệ này.

Đơn vị sự nghiệp là đơn vị phụ thuộc; tùy tình hình thực tế Tổng Công ty có thể thành lập thêm một số đơn vị phụ thuộc để thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh trong phạm vi ngành, nghề kinh doanh của Tổng Công ty.

Điều 43. Quan hệ giữa Tổng Công ty với đơn vị phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp.

1. Đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty là đơn vị không có vốn và tài sản riêng, toàn bộ vốn, tài sản của đơn vị phụ thuộc thuộc sở hữu của Tổng Công ty và hạch

toán kế toán tập trung tại Tổng Công ty. Đơn vị phụ thuộc Tổng Công ty được ký kết các hợp đồng kinh tế, thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động tài chính, tổ chức nhân sự theo phân cấp của Tổng Công ty quy định trong Điều lệ hoặc quy chế của đơn vị phụ thuộc do Tổng Giám đốc xây dựng và trình Hội đồng thành viên Tổng Công ty phê duyệt. Tổng Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị phụ thuộc.

2. Đơn vị sự nghiệp hoạt động theo chế độ Nhà nước quy định và quy chế do Hội đồng thành viên phê duyệt.

Đơn vị sự nghiệp được Tổng Công ty đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật, cấp kinh phí sự nghiệp nằm trong chi phí chung của Tổng Công ty và được tổ chức thực hiện lấy thu bù chi; thực hiện chế độ phân cấp hạch toán do Tổng Công ty quy định; được tạo nguồn thu từ việc thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty giao, thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ, nghiên cứu khoa học và đào tạo, chuyển giao công nghệ với các đơn vị trong và ngoài Tổng Công ty; được hưởng quỹ khen thưởng và phúc lợi theo chế độ; được Tổng Công ty quyết định những vấn đề khác liên quan trực tiếp đến sự ổn định và phát triển của đơn vị sự nghiệp.

Điều 44. Quan hệ giữa Tổng Công ty với công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi là doanh nghiệp thành viên của Tổng Công ty hoặc do Tổng Công ty thành lập mới công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Tổng Công ty là chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ. Hội đồng thành viên Tổng Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ sau đây đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên:

a) Phê duyệt Điều lệ khi thành lập; quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên;

b) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty theo đề nghị của Hội đồng thành viên;

c) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên và các kiểm soát viên của công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc Tổng Công ty.

d) Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán tài sản, vay, cho vay và các hợp đồng khác thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu công ty theo quy định của pháp luật.

e) Quyết định tăng vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty;

f) Chấp thuận để Hội đồng thành viên quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương, thưởng và lợi ích khác đối với Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

g) Tổ chức giám sát, theo dõi đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty, hoạt động quản lý của Hội đồng thành viên công ty theo Điều lệ công ty;

h) Phê duyệt báo cáo quyết toán, phương án sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty;

i) Trình chủ sở hữu quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty theo quy định của pháp luật

j) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản;

k) Đầu tư đúng vốn cam kết; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty; trường hợp không đầu tư đủ và đúng hạn số vốn đã cam kết thì phải liên đới chịu trách nhiệm các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty;

l) Tuân thủ Điều lệ công ty; các quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa công ty và Tổng Công ty;

m) Xác định và tách biệt tài sản của Tổng Công ty và tài sản của công ty;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Quan hệ giữa Tổng Công ty với công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và công ty liên doanh.

1. Công ty con là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn có hai thành viên trở lên, công ty liên doanh, công ty ở nước ngoài (sau đây gọi chung là doanh nghiệp bị chi phối) được thành lập, tổ chức và hoạt động theo pháp luật về loại hình công ty đó.

2. Tổng Công ty thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh, bên góp vốn chi phối tại công ty con theo quy định của pháp luật và Điều lệ của công ty đó.

3. Tổng Công ty trực tiếp quản lý cổ phần, vốn góp chi phối tại công ty con thông qua người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các công ty con (sau đây được gọi là người đại diện phần vốn góp chi phối).

4. Tổng Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp khác;

b) Cử người đại diện phần vốn đầu tư hoặc người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, thành viên góp vốn, các bên liên doanh.

c) Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật người đại diện phần vốn đầu tư hoặc người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp khác (sau đây gọi tắt là người đại diện) quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các vấn đề đãi ngộ đối với người đại diện, trừ trường hợp người đại diện đã được hưởng lương từ doanh nghiệp khác;

d) Yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp khác;

đ) Giao nhiệm vụ và chỉ đạo người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của công ty trong doanh nghiệp khác. Yêu cầu người đại diện báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của người đại diện, nhất là trong việc định hướng doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối để thực hiện các mục tiêu, chiến lược của công ty;

e) Kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của người đại diện để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời.

f) Quyết định hoặc trình người có thẩm quyền quyết định việc đầu tư tăng vốn hoặc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác phù hợp với pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp khác.

g) Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư;

h) Giám sát việc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác, việc thu lợi tức được chia từ doanh nghiệp khác;

i) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 46. Quan hệ giữa Tổng Công ty và công ty liên kết.

1. Công ty liên kết là công ty mà Tổng Công ty có vốn góp không chi phối trong vốn điều lệ của công ty đó.

Công ty liên kết được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của công ty đó.

2. Tổng Công ty cử người đại diện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo Điều lệ của công ty liên kết hoặc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm theo hợp đồng liên kết.

Chương XI
LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG

Điều 47. Quan hệ lao động trong Tổng Công ty.

1. Quan hệ lao động giữa Tổng Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định của pháp luật về lao động.

2. Người lao động trong Tổng Công ty được tuyển dụng công khai dưới hình thức hợp đồng lao động, việc tuyển dụng, sử dụng người lao động phải đảm bảo quyền và lợi ích của người lao động theo các quy định của pháp luật về lao động.

Điều 48. Tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi của người lao động.

Tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi của người lao động do Tổng Công ty quyết định trên cơ sở khả năng, trình độ chuyên môn và các điều kiện thỏa thuận trong hợp đồng lao động theo các quy định về pháp luật lao động và thực hiện theo các Thỏa ước lao động tập thể và các pháp luật liên quan.

Điều 49. Thỏa ước lao động tập thể.

Trên cơ sở thương lượng tập thể và tự nguyện, người sử dụng lao động và Người đại diện tập thể lao động trong Tổng Công ty ký Thỏa ước lao động tập thể về những nội dung chủ yếu: thời gian lao động và nghỉ ngơi, điều kiện làm việc, bảo hộ lao động, bảo hiểm y tế, an toàn lao động, bảo hiểm xã hội, phúc lợi tập thể, giải quyết tranh chấp lao động (nếu có) và các thỏa thuận khác phù hợp với quy định của pháp luật về lao động.

Chương XII
SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 50. Sổ sách, hồ sơ của Tổng Công ty và quyền tiếp cận.

1. Định kỳ tháng, quý, năm, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm gửi cho chủ sở hữu các báo cáo và tài liệu theo hệ thống biểu mẫu báo cáo tài chính và thống kê định kỳ. Trường hợp đột xuất, chủ sở hữu có quyền yêu cầu Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến việc tổ chức thực hiện quyền của chủ sở hữu Tổng Công ty quy định tại Điều lệ này.

2. Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm tổ chức chuẩn bị và báo cáo để Hội đồng thành viên Tổng Công ty cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của chủ sở hữu. Hội đồng thành viên Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Tổng Công ty cung cấp mọi hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức, thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội đồng thành viên Tổng Công ty.

3. Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Tổng Công ty phải lưu giữ các tài liệu sau đây:

a) Điều lệ Tổng Công ty, các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ; quy chế quản lý tài chính và các quy chế quản lý khác của Tổng Công ty.

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký chất lượng sản phẩm, các văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; các giấy phép và giấy chứng nhận khác.

c) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của Tổng Công ty.

d) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hàng năm.

đ) Các hợp đồng kinh tế đã được ký kết, các dự án đã được phê duyệt, các quyết định đã được thông qua.

e) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.

Điều 51. Công khai thông tin.

1. Tổng Giám đốc là người thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty về công khai thông tin và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định này. Bộ phận lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Tổng Công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Tổng Giám đốc hoặc người đại diện được Tổng Giám đốc ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định của pháp luật.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền, Tổng Giám đốc là người chịu trách nhiệm trong việc tổ chức cung cấp thông tin theo đúng quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

Điều 52. Con dấu.

1. Tổng Công ty có con dấu riêng được khắc theo mẫu quy định của Bộ Công an, con dấu của Tổng Công ty phải được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền.

2. Con dấu là tài sản của Tổng Công ty. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Chương XIII
THÀNH LẬP, CHUYỂN ĐỔI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỐ TỤNG

Điều 53. Thành lập.

1. Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi từ công ty nhà nước Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn.

2. Mọi chi phí liên quan đến việc chuyển đổi được hạch toán giảm vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Điều 54. Giải thể.

1. Tổng Công ty có thể xem xét giải thể trong các trường hợp sau:

- Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong điều lệ mà không có quyết định gia hạn.
- Theo quyết định của chủ sở hữu Tổng Công ty.
- Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Tổng Công ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trình tự, thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 55. Thủ tục thanh lý tài sản Tổng Công ty khi giải thể.

1. Khi giải thể, chủ sở hữu cùng Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty thành lập Hội đồng thanh lý tài sản để xác định và định giá theo giá thị trường toàn bộ những tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Tổng Công ty gồm: tài sản cố định, tài sản lưu động, công trình xây dựng dở dang, các khoản vốn góp liên doanh, liên kết và các khoản phải thu…và tổ chức thanh lý những tài sản này theo quy định. Mọi tài sản của Tổng Công ty khi giải thể được chuyển giao cho các đơn vị, cá nhân (trừ nợ hoặc bán) theo giá có lợi nhất cho Tổng Công ty.

2. Việc sử dụng tài sản Tổng Công ty để trả nợ hay bán, phương thức bán, giá bán do Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty quyết định và phải được chủ sở hữu Tổng Công ty chấp thuận, trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

3. Tất cả tiền thu được đều thuộc tài sản Tổng Công ty sau khi đã chi trả hết các khoản: chi phí thanh lý (nếu có), các khoản nợ, trả lương người lao động … phần còn lại được trả cho chủ sở hữu Tổng Công ty.

Điều 56. Chuyển đổi Tổng Công ty.

1. Trường hợp chủ sở hữu Tổng Công ty chuyển một phần vốn điều lệ cho tổ chức, cá nhân khác thì trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày chuyển nhượng, chủ sở hữu và người nhận chuyển nhượng phải đăng ký việc thay đổi với cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Trường hợp chủ sở hữu chuyển toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức, cá nhân khác thì trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày hoàn thành thủ tục chuyển nhượng, chủ sở hữu phải yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh xoá tên Tổng Công ty trong sổ đăng ký kinh doanh và người nhận chuyển nhượng đăng ký kinh doanh phải đăng ký kinh doanh lại theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Người nhận chuyển nhượng tiếp nhận tất cả các nghĩa vụ, được hưởng tất cả các quyền và lợi ích hợp pháp của Tổng Công ty, trừ trường hợp chủ sở hữu Tổng Công ty và người nhận chuyển nhượng có thoả thuận khác.

3. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập Tổng Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 57. Tranh chấp, tố tụng.

1. Việc tranh chấp giữa Tổng Công ty với các bên liên quan trước hết do các bên liên quan thoả thuận giải quyết trên cơ sở vận dụng các quy định trong điều lệ này và quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Trường hợp không thể tự giải quyết được thì đưa đến cơ quan Tòa án có thẩm quyền xử lý.

3. Trường hợp phát sinh tranh chấp nội bộ, Tổng Công ty báo cáo đề xuất xin ý kiến xử lý của chủ sở hữu.

Điều 58. Phá sản Tổng Công ty.

Tổng Công ty không có khả năng thanh toán được các khoản nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu thì coi là lâm vào tình trạng phá sản. Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của pháp luật về Luật Phá sản.

Chương XIV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59. Hiệu lực của Điều lệ.

1. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ký quyết định ban hành.

2. Đối với các vấn đề liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty không nêu

3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

4. Điều lệ này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty hoặc phù hợp với những thay đổi của các văn bản pháp luật có liên quan do Chủ tịch Hội đồng thành viên Tổng Công ty đề nghị, chủ sở hữu Tổng Công ty xem xét quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

PHỤ LỤC
DANH SÁCH CÁC ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC, CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TỔNG CÔNG TY DU LỊCH SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

(Ban hành kèm theo Điều lệ tại Quyết định số 4475 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố)

I.ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC (18 doanh nghiệp):

1. Văn phòng Tổng Công ty.
2. Ban Quản lý Dự án.
3. Khách sạn Bến Thành.
4. Khách sạn Cửu Long.
5. Khách sạn Hoàn Cầu.
6. Khách sạn Kim Đô.
7. Khách sạn Đệ Nhất.
8. Khách sạn Đồng Khánh.
9. Khách sạn Đồng Khởi.
10. Khách sạn Thiên Hồng.
11. Làng Du lịch Bình Quới.
12. Trường Trung cấp Du lịch & Khách sạn Saigontourist.
13. Công ty Du lịch Sinh thái Cần Giờ.
14. Công ty Lữ hành Saigontourist Hà Nội.
15. Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn tại Quảng Ninh.
16. Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn tại Đà Nẵng.
17. Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn tại Côn Đảo.
18. Chi nhánh Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn tại Cần Thơ.

II. CÁC CÔNG TY CON (09 doanh nghiệp):

A. Các công ty TNHH một thành viên 100% vốn tổng công ty:

1. Công ty TNHH 1 thành viên Dịch vụ Du lịch Phú Thọ.
2. Công ty TNHH 1 thành viên Dịch vụ Du lịch Thủ Đức.
3. Công ty TNHH 1 thành viên Dịch vụ Lữ hành Saigontourist.

B. Các công ty có cổ phần, vốn góp hoặc quyền chi phối:

1. Công ty CP Du lịch Khách sạn Sài Gòn – Hạ Long.
2. Công ty CP Khách sạn Sài Gòn Ninh Chữ.
3. Công ty LD Khách sạn Thăng Long (Oscar) – Công ty LD nước ngoài.

4. Công ty LD Hội chợ và Triển lãm Sài Gòn – Công ty LD nước ngoài.
5. Công ty CP Du lịch Dịch vụ Thương mại Phú Thọ.
6. Công ty CP Đô thị Du lịch Cần Giờ.

III. CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (68 doanh nghiệp)::

a) Liên doanh nước ngoài tại Việt Nam:

1. Công ty LD Khách sạn Sài Gòn Inn (KS New World).
2. Công ty LD Hữu hạn Khách sạn Chains Caravelle (KS Caravelle).
3. Công ty LD TNHH Đại Dương (Sheraton Saigon Hotel and Tower).
4. Công ty LD TNHH Hoa Việt.
5. Công ty CP Yasaka Sài Gòn Nha Trang (*)
6. Công ty TNHH Phát triển nhà Đại An Saigontourist (*)

b) Liên doanh nước ngoài tại nước ngoài:

1. Công ty LD Hữu hạn Royal Saigon GmbH.

c) Các Công ty TNHH 2 thành viên:

1. Công ty TNHH Khách sạn Sài Gòn (Hà Nội).
2. Công ty TNHH Sài Gòn Morin Huế.
3. Công ty TNHH Du lịch Thương mại Sài Gòn Cần Thơ.
4. Công ty TNHH Truyền hình Cáp Saigontourist.

d) Các công ty cổ phần :

1. Công ty CP Sài Gòn Sapa.
2. Công ty CP Sài Gòn Kim Liên.
3. Công ty CP Sài Gòn Quảng Bình.
4. Công ty CP Du lịch Sài Gòn Đông Hà.
5. Công ty CP Khách sạn Sài Gòn Tourane (Đà Nẵng).
6. Công ty Dịch vụ Du lịch Hội An.
7. Công ty CP Du lịch Sài Gòn Quy Nhơn.
8. Công ty CP Du lịch Sài Gòn Phú Yên.
9. Công ty CP Sài Gòn Sông Cầu.
10. Công ty CP Văn hóa Du lịch Gia Lai.
11. Công ty CP Du lịch Daklak.
12. Công ty CP Sài Gòn Đà Lạt.
13. Công ty CP Du lịch Khách sạn Sài Gòn Mũi Né.
14. Công ty CP Du lịch Sài Gòn Bình Châu.
15. Công ty CP Khách sạn Du lịch Tháng 10.

16. Công ty CP Du lịch Sài Gòn Vĩnh Long.
17. Công ty CP Sài Gòn Rạch Giá.
18. Công ty CP Sài Gòn Phú Quốc.
19. Công ty CP Sài Gòn Sovico Phú Quốc.
20. Công ty CP Du lịch Sài Gòn Sovico.
21. Công ty CP Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Bông Sen (Lion).
22. Công ty CP Gôn Sài Gòn.
23. Công ty CP Đầu tư & Khai thác Cảng Hàng không Quốc tế Long Thành.
24. Công ty CP Hàng không Pacific Airlines.
25. Công ty CP Phát triển A&B.
26. Công ty CP Địa ốc Sài Gòn M&C.
27. Công ty CP Địa ốc Eximland.
28. Công ty CP Phát triển Nam Sài Gòn.
29. Công ty CP Đầu tư Sài Gòn An Phát.
30. Công ty CP Đầu tư Y tế Sài Gòn.
31. Công ty CP Cao su TP. HCM (Lào).
32. Công ty CP Saigon Gem.
33. Công ty TNHH Sài Gòn Bến Thành.

Các công ty cổ phần (thuộc doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi):

34. Công ty CP Khách sạn Sài Gòn.
35. Công ty CP Khách sạn Du lịch Thanh Bình.
36. Công ty CP Quê Hương Liberty.
37. Công ty CP Bông Sen.
38. Công ty CP Khách sạn Chợ Lớn.
39. Công ty CP Dịch vụ Du lịch Chợ Lớn.
40. Công ty CP Dịch vụ Du lịch Mekong.
41. Công ty CP Du lịch Tân Định Fiditourist.
42. Công ty CP Sài Gòn Givral.
43. Công ty CP Eden.
44. Công ty CP Tân Sơn.
45. Công ty CP Sài Gòn Madagui.
46. Công ty CP Vận chuyển Saigontourist.
47. Công ty CP Xuất nhập khẩu Saigontourist.
48. Công ty CP Thiết kế Xây dựng Saigontourist.

đ) Lĩnh vực ngân hàng:

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kiên Long.
2. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Công thương.
3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.
4. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu.
5. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông.

e) Các công ty chứng khoán:

6. Công ty CP Chứng khoán Saigontourist.
7. Công ty CP Chứng khoán Chợ Lớn.

f) Các Quỹ Đầu tư:

8. Quỹ Đầu tư Việt Nam (BIDV).
9. Quỹ Thành viên Vietcombank3.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ